TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 94/2023/DS-ST Ngày 28 - 9 - 2023 "V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Bế Văn Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hà.
2. Ông Hoàng Duy Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST – DS ngày 17/4/2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2023/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-DS ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

2. Bị đơn: Bà Tống Thị V, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn T, xã E'Đ, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

3. Người làm chứng: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K trình bày:***

Vào năm 2017 cửa hàng của tôi có bán cho bà Tống Thị V số nguyên vật liệu như: Gạch men…để sử dụng cho công trình nhà ở của bà V, họ có hẹn là khi hoàn

thành xong công trình nhà ở sẽ thành toàn hết số tiền mua nguyên vật liệu nói trên. Nhưng từ lúc hoàn thiện xong công trình nhà ở bà V vẫn không chịu trả hết số tiền mua nguyên vật liệu nói trên cho tôi. Vào ngày 06/03/2019, sau nhiều lần liên hệ với bà V để đề nghị thanh toán số tiền là 9.100.000đ, nhưng bà V không trả được. Nên chúng tôi thống nhất với nhau số tiền đang còn nợ ở trên sẽ chịu lãi suất là 20%/ năm cho đến lúc thanh toán và ngày hẹn trả tiền là ngày 06/6/2019. Nhưng từ đó cho đến ngày 30/12/2020 bà V vẫn chưa trả được số tiền đang còn nợ tôi là 9.100.000đ tiền nợ gốc, tiền tài phát sinh là 3.336.000đ. Tổng nợ gốc và lãi là 12.436.000đ, vào ngày 31/12/2020 tôi có liên hệ với bà V1 để yêu cầu trả hết số tiền đang còn nợ tối thì bà V trả được 5.100.000đ. Tổng nợ còn lại vào ngày 31/12/2020 là 7.336.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2020 đến ngày 18/3/2023 là 3.240.000đ, nên tổng nợ gốc và lãi là 10.576.000đ. Ngày 18/03/2023 tôi có gọi điện thoại cho bà V đề đề nghị thanh toán hết số tiền nợ ở trên cho tôi thì được bà V trả 4.000.000đ, số tiền nợ còn lại là 6.576.000đ, tiền lãi phát sinh đến ngày 30/3/2023 là 54.000đ, nên tổng nợ gốc và lãi là 6.630.000đ, tôi có liên hệ qua điện thoại thì bà V nói là không muốn trả nợ nữa. Nên tôi làm đơn này đề nghị TAND huyện Cư Mgar giải quyết buộc bà V phải trả hết cho tôi số tiền đang còn nợ là 6.630.000đ và tiền lãi chậm trả với lãi suất là 20%/năm từ ngày tôi viết đơn khởi kiện đến ngày toà án xét xử sơ thẩm

*** Tại phiên tòa bị đơn bà Tống Thị V vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà V trình bày:**

Tôi có mua vật liệu xây dựng nhiều lần từ của hàng Hưng Vượng của ông K. Tính đến ngày 06/3/2019 tôi còn nợ lại ông K số tiền 9.100.000đ và hai bên có lập biên bản xác nhận công nợ. Sau đó khoảng 01 tháng tôi có nhờ người nộp vào tài khoản của ông K khoảng hơn năm triệu đồng (Tôi không rõ cụ thể số tiền), sau đó tôi có chuyển thêm cho ông K số tiền hai triệu đồng, (Tôi cũng không rõ cụ thể ngày tháng và ngân hàng tôi chuyển). Sau đó ngày 18/3/2023 tôi có trả thêm cho ông K tại Cửa hàng H, do mẹ ông K nhận tiền 4.000.000đ. Số tiền này do ông K đòi thêm, vì tôi chỉ còn nợ 2.000.000đ, nhưng tôi đã trả dư cho ông K 2.000.000đ.

Nay ông K đòi tôi trả số tiền đang còn nợ là 6.630.000đ và tiền lãi chậm trả với lãi suất là 20%/năm từ ngày viết đơn khởi kiện đến ngày toà án xét xử sơ thẩm tôi không đồng ý. Đề nghị tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

*** Người làm chứng bà Vũ Thị D trình bày:**

Tôi là mẹ của ông Nguyễn Trọng K, ngày 18/3/2023 tôi có đến cửa hàng Hưng Vượng của con trai tôi tại thôn A, xã C, huyện C, sau đó con tôi đi vắng thì có cô Tống Thị V đến trả tiền, con trai tôi gọi điện thoại và nói nhận giùm con số tiền 4.000.000đ từ bà V, tôi đã nhận tiền, khi nhận tôi cũng không viết giấy nhận tiền gì cả. Con trai tôi chỉ nói tôi nhận giùm số tiền 4.000.000 đồng, chứ không nói là nhận hết số tiền còn nợ hay ký giấy xác nhận hết nợ gì cả. Còn bà V đưa tiền xong cũng không yêu cầu tôi viết giấy biên nhận gì. Tôi không biết giữa bà V và con tôi còn nợ bao nhiêu tiền cả.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS;

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS;

+ Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72, BLTTDS;

+ Về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 430; Điều 440; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K. Buộc bị đơn bà Tống Thị V phải trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ cho ông K theo nội dung đơn khởi kiện.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn bà Tống Thị V cư trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Tống Thị V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tòa án xét xử vắng mặt bà V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 06/3/2019, bà Tống Thị V và ông Nguyễn Trọng K lập biên bản xác nhận công nợ thống nhất số tiền mua bán vật liệu xây dựng mà bà V còn nợ ông K là 9.100.000đ và chịu lãi suất là 20%/năm cho đến lúc thanh toán, hẹn ngày thanh toán là ngày 06/6/2019. Tuy nhiên, đến ngày 06/6/2019 bà V không trả nợ như thỏa thuận và tính đến ngày 30/12/2020 bà V vẫn chưa trả được số tiền 9.100.000đ tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh là 3.336.000đ. Tổng nợ gốc và lãi là 12.436.000đ.

Ngày 31/12/2020 bà V trả được 5.100.000đ cho ông khải. Tổng số nợ còn lại vào ngày 31/12/2020 là 7.336.000đ, tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2020 đến ngày 18/3/2023 là 3.240.000đ, nên tổng nợ gốc và lãi là 10.576.000đ.

Ngày 18/3/2023 bà V trả 4.000.000đ, số tiền nợ còn lại 6.576.000đ, tiền lãi phát sinh đến ngày 30/3/2023 là 54.000đ, nên tổng nợ gốc và lãi là 6.630.000đ.

Đối với đoạn ghi âm và ghi hình mà bà V cung cấp cho tòa án, nội dung thể hiện bà V đã trả cho ông K 4.000.000đ (Đưa cho mẹ ông K nhận giùm), nội dung này cũng đã được ông K thừa nhận và khấu trừ vào số tiền còn nợ. Do đó, bà V cho rằng đã trả hết toàn bộ số tiền còn nợ là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án bà V cho rằng có chuyển thêm cho ông K số tiền 2.000.000đ nhưng không cung cấp được hóa đơn chứng từ gì và ông K không thừa nhận. Do đó, không có cơ sở khẳng định bà V đã đưa thêm cho ông K 2.000.000đ.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K là có cơ sở chấp nhận, nên cần buộc bà Tống Thị V trả cho ông K số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là:

+ Tiền nợ gốc: 6.630.000đ;

+ Tiền nợ lãi: 6.630.000đ x 20%/năm : 365 ngày x 181 ngày (*Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 28/9/2023*) = 657.550đ;

Cả gốc và lãi: 6.630.000đ + 657.550đ = 7.287.550đ.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo mức 7.287.550đ x 5% = 364.000đ; hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS;

- Áp dụng Điều 430; 440 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng K.

Buộc bị đơn bà Tống Thị V trả cho ông Nguyễn Trọng K số tiền 7.287.550 đồng, trong đó tiền gốc là 6.630.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 657.550 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí: Bị đơn bà Tống Thị V phải chịu 364.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Trọng K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số AA/2021/0014172 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M’gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bế Văn Toàn